

Định hướng phát triển để Việt Nam trở thành quốc gia thịnh vượng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045

Bùi Tất Thắng^(*)

Tóm tắt: Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011-2020) của Việt Nam đang dần đi đến những năm cuối với dự kiến đạt được nhiều thành tựu quan trọng, kế thừa và phát huy tốt những thành quả nổi bật của thời kỳ trước, đó là vượt qua tình trạng nước nghèo để chính thức trở thành nước có mức thu nhập trung bình. Tuy vẫn còn ở mức thu nhập trung bình thấp, nhưng nền kinh tế Việt Nam đang bước vào thời kỳ Chiến lược mới (2021-2030) với những cơ hội mới và tâm thế mới để vươn tới khát vọng vượt qua bẫy thu nhập trung bình, trở thành quốc gia thịnh vượng và có mức thu nhập trung bình cao vào năm 2030. Bài viết bàn về một số định hướng phát triển lớn, bao gồm các yếu tố về thể chế, về mô hình tăng trưởng, về các nguồn lực, động lực để hướng tới việc hiện thực hóa mục tiêu khát vọng nêu trên.

Từ khóa: Chiến lược phát triển, Quốc gia thịnh vượng, Thể chế, Mô hình tăng trưởng, Nguồn lực phát triển, Động lực phát triển

Abstract: The 10-year socio-economic development strategy for the period of 2011-2020 is gradually coming to the final years with the expected achievements. That is the inheritance and promotion of outstanding achievements of the previous period, overcoming poverty to officially become a middle-income country. Although still at a low average income level, Vietnam's economy is entering a new Strategy period (2021-2030) with new opportunities and new minds to reach the aspiration of overcoming the middle income trap to become a prosperous country and have a high average income country by 2030. This paper discusses a number of major development directions, including factors of institution, growth model, resources and incentives to realize the aspirational goals mentioned above.

Keywords: Development strategy, Prosperous nation, Institution, Growth model, Development Resources, Motivation for development

Mở đầu

Vào thời điểm năm 2030, Việt Nam kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Đảng Cộng

sản Việt Nam; đến năm 2045, kỷ niệm lần thứ 100 năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đây là hai dấu mốc vô cùng quan trọng trên bước đường xây dựng đất nước

^(*) PGS.TS., Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Email: thangbt.vids@mpi.gov.vn

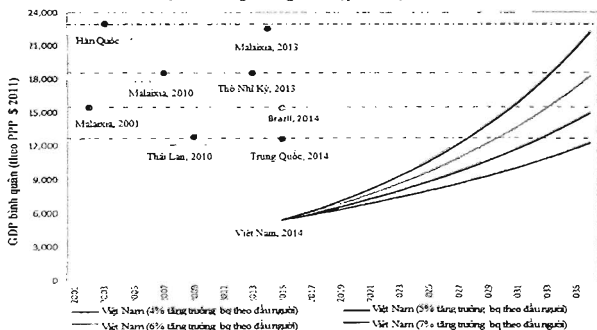
phần vinh, thịnh vượng của lịch sử Việt Nam hiện đại.

Năm 2016, bên thềm Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Thế giới (WB) đã phát hành tài liệu “Việt Nam 2035 - Hướng tới Thịnh vượng, Sáng tạo, Công bằng và Dân chủ”. Tài liệu đã chỉ ra khát vọng chung của dân tộc Việt Nam về một quốc gia thịnh vượng, trước hết là sự thịnh vượng về kinh tế, là một xã hội “thuộc nhóm có thu nhập ở mức trung bình cao... Các thể chế thị trường mạnh mẽ và hiện đại, đảm bảo cạnh tranh công bằng và tự do, đảm bảo tất cả các hình thức sở hữu tư nhân, thị trường vốn và đất đai cạnh tranh và minh bạch...” (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Thế giới, 2016: 47). Sự thịnh vượng về kinh tế (đi đôi với bền vững về môi trường) có mục tiêu xác định là “dân giàu, nước mạnh”, cũng đã được nêu trong các bản Hiến pháp Việt Nam năm 1992 và 2013, cũng như trong các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chính phủ Việt Nam.

Báo cáo “Việt Nam 2035” cũng đưa ra những tính toán chi tiết về kịch bản tăng trưởng và chi ra rằng: nếu GDP bình quân đầu người tăng ở mức 6%/năm thì đến năm 2035 sẽ tiến tới mốc 18.000 USD (tính theo sức mua tương đương bằng USD năm 2011). Nếu đạt mức tăng trưởng trên 7%/năm, GDP theo đầu người sẽ đạt xấp xỉ 22.200 USD, tương đương với mức thu nhập của Hàn Quốc năm 2002 hoặc của Malaysia năm 2013. Còn nếu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn, điều đó sẽ giúp Việt Nam đuổi kịp Indonesia và có thể vượt Philippines vào năm 2035 nếu hai nước này tiếp tục duy trì tăng trưởng như hiện nay (xem Hình 1).

Cho đến nay, Việt Nam đã trải qua gần 35 năm thực hiện chính sách đổi mới nền kinh tế, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Theo đánh giá chung của nhiều chuyên gia và tổ chức quốc tế, Việt Nam được xem là một trong những điển hình về phát triển thành công. Chỉ trong vòng một thế hệ, từ một

Hình 1. Các kịch bản tăng trưởng thu nhập cho Việt Nam vào năm 2035



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Thế giới (2016: 15).

nước trong nhóm nghèo nhất thế giới khi bắt đầu đổi mới, Việt Nam đã vươn lên trở thành một nước có thu nhập trung bình và đạt được nhiều thành tựu về xã hội tương đương với các quốc gia có mức thu nhập cao hơn. Người Việt Nam xem những kết quả của các chính sách đổi mới nêu trên là “những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử” của mình.

Theo ước tính, giai đoạn 10 năm 2011-2020 tăng trưởng GDP sẽ đạt khoảng 6,35%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới. Quy mô GDP tăng gấp 2,5 lần, từ 116 tỷ USD năm 2010 lên khoảng 290 tỷ USD năm 2020. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.332 USD năm 2010 lên hơn 3.000 USD năm 2020. Một chỉ tiêu kinh tế quan trọng khác là kim ngạch xuất nhập khẩu đã tăng 3,5 lần, từ 157,1 tỷ USD năm 2010 lên khoảng 548 tỷ USD năm 2020, tương đương 190% GDP; trong đó, kim ngạch xuất khẩu - một động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế trong nhiều năm qua, đã tăng từ 72,2 tỷ USD năm 2010 lên khoảng 275 tỷ USD năm 2020, tăng bình quân 14,2%/năm. Nhờ vậy, cán cân thương mại đã chuyển từ mức thâm hụt 12,6 tỷ USD năm 2010 sang cân bằng và bắt đầu có thặng dư trong những năm gần đây. Thu nhập bình quân đầu người năm 2018 so với năm 2010 tăng 2,7 lần. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) đã giảm từ 9,2% năm 2016 xuống còn 6,8% năm 2018 (Tổng cục Thống kê, 2018).

Kế thừa những kết quả đạt được của Đổi mới, Việt Nam ngày nay đang hướng tới mục tiêu trở thành nước công nghiệp, có mức thu nhập trung bình cao; có thể chế kinh tế đầy đủ theo các tiêu chuẩn phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có năng suất lao động và sức cạnh tranh cao, đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn

hóa, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững. “Các mục tiêu đó phản ánh khát vọng về một cuộc sống có trời xanh, nước sạch, không ngừng cải thiện về điều kiện vật chất; một xã hội lành mạnh, dân chủ và công bằng, có trình độ văn hóa cao; một nhà nước hiệu quả và có trách nhiệm giải trình” (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Thế giới, 2016).

Ở thời điểm hiện nay, Việt Nam đang khẩn trương triển khai nghiên cứu xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 phục vụ Đại hội XIII của Đảng, dự kiến tiến hành vào quý I/2021.

Nhằm thực hiện những mục tiêu thể hiện ý chí, khát vọng và sức mạnh vươn lên của dân tộc, các định hướng phát triển trong thời kỳ tới phải kết hợp nhuần nhuyễn giữa kế thừa và phát triển, đổi mới, sáng tạo; giữa lý luận và thực tiễn; thu hút tối đa trí tuệ, các ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức quốc tế, các tầng lớp nhân dân, các nhà quản lý, doanh nhân, học giả trong và ngoài nước.

Nội dung chính của các định hướng và tầm nhìn phát triển để Việt Nam trở thành một quốc gia thịnh vượng trong 10-25 năm tới về cơ bản vẫn là việc xác định đúng đắn và thực hiện tốt những đột phá chiến lược; các chính sách lớn liên quan đến tìm kiếm những động lực tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh; việc thực hiện có hiệu quả nhất các cam kết quốc tế về hội nhập cũng như các Mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc đến năm 2030.

Với tinh thần như vậy, bài viết nêu một số định hướng phát triển lớn đang được quan tâm.

1. Nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội

Mặc dù đã trải qua gần 35 năm chuyển sang nền kinh tế thị trường với rất nhiều cải cách về thể chế, đến nay những yếu tố và các quan hệ thị trường đã phủ khắp mọi hoạt động của nền kinh tế; nhưng chất lượng thực hiện thể chế kinh tế thị trường vẫn còn thấp và chưa đồng đều ở các ngành nghề, lĩnh vực; thể chế kinh tế thị trường chưa đồng bộ, đầy đủ để bảo đảm thị trường vận hành thông suốt theo nguyên tắc thị trường. Thị trường chưa thực sự là cơ sở, căn cứ để huy động và phân bổ các nguồn lực phát triển. Chất lượng của một số văn bản pháp lý chưa cao, chưa đủ rõ ràng, minh bạch và còn chồng chéo. Việc thực thi pháp luật còn nhiều vướng mắc khiến cho môi trường đầu tư kinh doanh chưa thực sự thông thoáng, an toàn, lành mạnh và nhất quán. Cải cách hành chính tuy rất tích cực nhưng không đồng đều, bộ máy hành chính chưa đáp ứng được nhu cầu quản lý sự vận hành của nền kinh tế thị trường; chế độ phối hợp, phân cấp, phân quyền, ủy quyền chưa rõ ràng, rành mạch dẫn đến công việc không trôi chảy.

Vì vậy, nhiệm vụ đặt ra trước mắt là phải nhanh chóng hoàn tất quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập theo thông lệ quốc tế. Theo đó, tiếp tục thực hiện một trong ba đột phá chiến lược “hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” được nêu trong Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, nhưng không phải trọng tâm chỉ là “tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính”, mà còn phải bao quát một phạm vi rộng hơn, với trọng tâm chính là:

- Xây dựng bộ máy nhà nước có cấu trúc và phương thức hoạt động phù hợp,

hiệu lực và hiệu quả theo tinh thần Nhà nước pháp quyền, kiến tạo phát triển, cung cấp dịch vụ công đầy đủ, kịp thời cho người dân và doanh nghiệp. Những nhiệm vụ cụ thể có thể là tiếp tục cải cách một cách thực chất các thủ tục hành chính, bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh theo tinh thần của Điều 33 Hiến pháp 2013: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”. Chế độ công vụ phải là chế độ chức nghiệp thực tài, được đánh giá bằng sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Đổi mới mạnh mẽ chế độ phân cấp, phân quyền, ủy quyền và nâng cao hiệu quả phối hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành theo hướng có quy định chế độ trách nhiệm rõ ràng, minh bạch.

- Nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng thực sự và phát triển đầy đủ, đồng bộ các loại thị trường, đặc biệt là thị trường bất động sản. Áp dụng nguyên tắc thị trường đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp lý cho các loại hình kinh doanh mới xuất hiện. Việc quản lý và bảo vệ môi trường phải tuân theo nguyên tắc thị trường.

- Việc huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực phát triển trong xã hội phải theo nguyên tắc thị trường. Trong đó, đối với khu vực kinh tế nhà nước, cần đánh giá và có kế hoạch sử dụng hết sức hiệu quả tài sản công; đẩy nhanh việc thực hiện cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước. Đối với khu vực kinh tế tư nhân trong nước: thúc đẩy quá trình hình thành và phát triển bằng hệ thống các chính sách phù hợp. Đối với khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), triển khai thực hiện ngay Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu

tư nước ngoài đến năm 2030, với tinh thần thu hút FDI một cách chọn lọc, chú trọng vào các tập đoàn hàng đầu thế giới, có công nghệ cao, thân thiện với môi trường, liên kết với các doanh nghiệp trong nước.

- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội, trong đó Nhà nước thực hiện tốt chức năng xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, phân bổ nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường; bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp và quyền tự do kinh doanh, thực thi hợp đồng của người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Nhà nước sử dụng thể chế, các nguồn lực, công cụ điều tiết, cơ chế, chính sách phân phối và phân phối lại để phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh, nâng cao phúc lợi xã hội và bảo vệ môi trường. Phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và cộng đồng trong tham gia xây dựng, phân biện và giám sát thực hiện chính sách, pháp luật.

2. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế một cách thực chất để nhanh chóng định hình mô hình tăng trưởng kinh tế mới

Quá trình cơ cấu lại nền kinh tế từ chỗ lúc đầu chỉ tập trung vào ba lĩnh vực¹, đến nay đã mở rộng ra toàn bộ nền kinh tế và gắn với quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng - nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Văn kiện Đại hội XII nêu rõ: “Mô hình tăng trưởng trong thời gian tới kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều

sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới và sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy lợi thế so sánh và chủ động hội nhập quốc tế, phát triển nhanh và bền vững (hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên Hợp Quốc); giải quyết hài hòa giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài, giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016: 30-31). Thực hiện chủ trương này, những năm qua Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả nhất định nhưng việc “gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng” thì chưa thực sự rõ nét. Một mô hình tăng trưởng mới dựa trên tăng năng suất lao động, trình độ công nghệ - kỹ thuật sản xuất cao chưa được hình thành. Vì thế, trong thời gian tới, những nhiệm vụ trọng tâm nên hướng vào gồm:

- *Đối với nông nghiệp*: Đảm bảo sản xuất ra nông phẩm sạch để cung cấp thực phẩm an toàn cho xã hội; phát triển nền nông nghiệp thương phẩm đa dạng, công nghệ canh tác hiện đại, hình thành các vùng chuyên canh hàng hóa chất lượng cao. Đẩy mạnh phong trào xây dựng nông thôn mới. Thực hiện chương trình trồng rừng nhằm mục tiêu dài hạn là bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Hướng giải pháp lớn là chính sách hợp lý về tích tụ đất; khuyến khích phát triển kinh tế trang trại và doanh nghiệp nông nghiệp; mở rộng thị trường; đảm bảo nguồn giống tốt, thức ăn chăn nuôi và phân bón hữu cơ...

- *Đối với công nghiệp*: Hai trọng tâm lớn là xác định nhóm ngành công nghiệp ưu tiên và phân bổ không gian phát triển

¹ Tái cấu trúc đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính; tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước” (Kết luận Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, tháng 10/2011)

công nghiệp hợp lý, nhằm mục tiêu trực diện là thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp. Những ngành công nghiệp cần ưu tiên nên gồm: (i) nhóm ngành công nghiệp nền tảng đáp ứng nhu cầu về tư liệu sản xuất cơ bản của nền kinh tế như công nghiệp năng lượng, khai khoáng, luyện kim, hóa chất, phân bón, vật liệu, cơ khí; và (ii) nhóm ngành công nghiệp công nghệ cao: công nghệ thông tin và viễn thông, công nghiệp điện tử, công nghiệp sản xuất robot, ô tô, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, công nghiệp sản xuất phần mềm, sản phẩm số, công nghiệp an toàn thông tin, công nghiệp dược phẩm, sản xuất chế phẩm sinh học, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh, công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp và vật liệu mới đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu... Việc bố trí không gian lãnh thổ cần tính tới thực tế là diện tích đất hạn hẹp, yêu cầu chống ô nhiễm, bảo vệ môi trường ngày càng cao. Hướng giải pháp lớn là chính sách hợp lý về chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp theo hướng tăng các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao và dịch chuyển lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị của từng ngành. Ban hành các tiêu chuẩn công nghệ, kỹ thuật sản xuất theo hướng hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế. Phát triển công nghiệp hỗ trợ và hình thành cụm ngành công nghiệp trong một số ngành công nghiệp ưu tiên. Khuyến khích mạnh mẽ sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân trong nước, tăng cường liên kết với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Khuyến khích áp dụng mạnh mẽ công nghệ hiện đại, nhất là những thành tựu của Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư.

- *Đối với khu vực dịch vụ*: Nâng cao toàn diện chất lượng các hoạt động của kinh tế dịch vụ, trọng tâm là: (i) Nâng cao quy mô và hiệu quả hoạt động của thị trường chứng khoán để trở thành kênh cung cấp chủ yếu nguồn vốn cho đầu tư phát triển; (ii) Áp dụng chuẩn mực quốc tế cho các hoạt động kế toán, kiểm toán, ngân hàng thương mại...; (iii) Cải thiện căn bản phương thức và chất lượng cung cấp dịch vụ công.

3. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chủ yếu của mô hình tăng trưởng kinh tế mới

Mục tiêu căn bản và lâu dài là nâng cao trình độ công nghệ của nền kinh tế, coi đó là tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của khoa học và công nghệ. Định hướng chính sách lớn bao gồm:

- *Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý và tài chính trong hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ phù hợp với cơ chế thị trường*. Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, chấp nhận rủi ro cho việc triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ trong các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo gắn với nhu cầu thị trường. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nước ngoài hình thành các trung tâm nghiên cứu và triển khai, đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

- *Lựa chọn và tập trung hỗ trợ triển khai nghiên cứu, ứng dụng phát triển công nghệ cho một số ngành và lĩnh vực then chốt*.

- *Nâng cao tiềm lực và trình độ khoa học - công nghệ trong nước để có thể triển khai các hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới, lĩnh vực công nghệ ưu tiên, nhất là công nghệ số, thông tin, sinh học, trí tuệ nhân tạo, cơ điện tử, tự động hóa, điện tử y sinh, năng lượng, môi trường...*

- Phát triển mạnh mạng lưới các tổ chức dịch vụ trung gian môi giới, đánh giá chuyển giao công nghệ. Khuyến khích nhập khẩu, chuyển giao công nghệ tiên tiến của thế giới. Tăng cường công tác bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đa dạng hóa đối tác, lựa chọn đối tác chiến lược là các quốc gia có nền khoa học, công nghệ tiên tiến; gắn kết giữa hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ với hợp tác quốc tế về kinh tế.

- Xây dựng và thực hiện chương trình chuyển đổi sang nền kinh tế số.

4. Phát triển mạnh mạng lưới kết cấu hạ tầng và hệ thống đô thị

Phát triển hạ tầng cũng là một trong ba nội dung của đột phá trong Chiến lược Phát triển giai đoạn 2011-2020, với nội dung cụ thể là “xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn”. Thực hiện đột phá này, thực tế cho thấy, so với 10 năm trước đây, năng lực hệ thống kết cấu hạ tầng nói chung và mạng lưới giao thông đường bộ nói riêng được nâng lên đáng kể. Tính chung trong khoảng 10 năm qua, Việt Nam đã hoàn thành và đưa vào khai thác, sử dụng gần 970 km đường cao tốc, 5.760 km quốc lộ. Các tuyến cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Lào Cai, Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, Đà Nẵng - Quảng Ngãi...; các cầu đường bộ lớn, các cảng hàng không và cảng biển quan trọng được xây mới, nâng cấp, mở rộng. Các cơ sở hạ tầng trong nhiều lĩnh vực như: năng lượng, thủy lợi, thông tin và truyền thông, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, du lịch... được xây dựng. Hạ tầng của các đô thị lớn như các

tuyến đường chính ra vào thành phố, các đường vành đai đô thị, các cầu lớn... được xây dựng với quy mô lớn.

Tuy vậy, hệ thống kết cấu hạ tầng vẫn chưa theo kịp nhu cầu phát triển kinh tế và đời sống. Tình đồng bộ, kết nối, nhất là đối với các loại hình giao thông chưa đồng bộ, tập trung chủ yếu vào giao thông đường bộ. Hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, công nghệ thông tin chưa hoàn chỉnh và đồng đều ở nhiều địa phương, đặc biệt là vùng núi cao. Hạ tầng đô thị không theo kịp sự gia tăng dân số và tốc độ đô thị hóa, một số công trình chất lượng kém và không tuân thủ nghiêm theo quy hoạch.

Vì vậy, bên cạnh việc đẩy mạnh tiếp tục thực hiện các nội dung đã được xác định của đột phá phát triển kết cấu hạ tầng “tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn”, các hướng tập trung ưu tiên của thời kỳ tới nên bao gồm:

- Hoàn thành dứt điểm các công trình đang xây dựng như đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các tuyến đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh (trước năm 2025).

- Khởi công xây dựng và đưa vào sử dụng hai công trình lớn: Cảng Hàng không quốc tế Long Thành và giai đoạn 1 tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam.

- Xây dựng hạ tầng số và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

Phát triển mạnh hệ thống đô thị theo hướng hoàn thiện và nâng cấp chất lượng các đô thị, tăng cường tính liên kết và lan tỏa của đô thị, làm cho các đô thị trở thành động lực mạnh để phát triển kinh tế xã hội của các vùng. Hướng giải pháp lớn là tập trung vào các chính sách quản lý quy hoạch; đất đô thị, bất động sản; tạo việc làm; đảm bảo không gian đô thị xanh, sạch, kiến trúc đẹp; cân đối giữa hạ tầng

giao thông, cung cấp nước, điện, y tế, giáo dục... với quy mô dân số.

5. Phát triển con người và văn hóa, xã hội

Một đột phá chiến lược khác của giai đoạn Chiến lược Phát triển 2011-2020 là: “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ”. Hai lĩnh vực “giáo dục - đào tạo” và “khoa học và công nghệ” được xem là “quốc sách hàng đầu”. Một quốc gia thịnh vượng không thể không nói tới phát triển con người vừa với tư cách là người tham gia phát triển kinh tế, vừa với tư cách là người được sẻ chia, thụ hưởng kết quả của phát triển.

Trên thực tế, 10 năm qua Việt Nam đã ghi nhận nhiều kết quả về phát triển con người và văn hóa, xã hội. Với quan điểm phát triển bao trùm, không để ai bị tụt lại phía sau, Việt Nam được thế giới đánh giá cao về công tác xóa đói giảm nghèo, y tế, giáo dục. Đến nay, nhiều mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 mà Việt Nam cam kết đã thực hiện vượt kế hoạch. Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam liên tục được cải thiện, thuộc nhóm các nước có mức phát triển con người trung bình cao của thế giới. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế cần khắc phục để tạo thêm động lực phát triển xã hội và kinh tế như kết quả giảm nghèo đa chiều chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao, khoảng cách phát triển giữa các vùng còn lớn, bất bình đẳng thu nhập dân cư có xu hướng gia tăng, tệ nạn xã hội nhiều nơi diễn biến phức tạp... Có thể nói, những nội dung về phát triển con người và văn hóa, xã hội luôn được xem là biểu hiện trên bề mặt xã hội của sự thịnh vượng quốc gia, và trên thực tế, sự hài lòng và cảm giác hạnh

phúc của con người mới là giá trị đích thực của sự thịnh vượng. Vì thế, định hướng giải pháp của lĩnh vực này nên bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Thực hiện nhất quán tư tưởng về tăng trưởng bao trùm (inclusive growth), phấn đấu sớm hoàn thành các Mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững (SDGs) theo Chương trình nghị sự phát triển bền vững 2030 của Liên Hợp Quốc.

- Xây dựng con người Việt Nam có sức khỏe, có ý thức trách nhiệm công dân cao, có trình độ chuyên môn tốt, có năng lực hội nhập và có lối sống đẹp - chân thành, tín nghĩa.

- Cải cách tổng thể, hệ thống, đồng bộ chính sách tiền lương theo hướng tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật khách quan của kinh tế thị trường, lấy tăng năng suất lao động là cơ sở để tăng lương.

- Áp dụng chế độ chức nghiệp thực tài trong đội ngũ cán bộ, công chức. Đổi mới chế độ tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Có kế hoạch chi tiết, cụ thể thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW (ngày 04/11/2013) của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng chiến lược việc làm thỏa đáng (decent work) cho người lao động Việt Nam; Xây dựng chiến lược phát triển trẻ em Việt Nam.

6. Bảo vệ tốt môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu

Sự thịnh vượng bền vững về kinh tế được tạo ra không phải dựa trên “vay” tài sản (tài nguyên) của các thế hệ tương lai,

mà là “có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai...” (Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới - WCED, 1987).

Thực tế kinh nghiệm phát triển kinh tế nhanh của một số quốc gia thuộc NICs, đặc biệt là thực tiễn thực hiện Chiến lược Phát triển giai đoạn 2011-2020 tại Việt Nam cho thấy, con người ngày càng nhận ra rằng, việc sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường tự nhiên và đa dạng sinh học có ý nghĩa hết sức to lớn đối với cuộc sống của con người và mức độ bền vững về kinh tế. Do vậy, hướng giải pháp lớn ở đây nên bao gồm: (i) Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường với triết lý con người là một bộ phận hữu cơ của chính môi trường tự nhiên mình đang sống; (ii) Khuyến khích những dự án sử dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; (iii) Có chính sách quy định về lối sống và tiêu dùng xanh trong toàn xã hội; (iv) Thực thi nghiêm túc đánh giá tác động môi trường của từng dự án; (v) Thực hiện nguyên tắc đối tượng gây ô nhiễm môi trường phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; đối tượng được hưởng lợi từ tài nguyên, môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho bảo vệ môi trường.

Kết luận

Sự thịnh vượng của một quốc gia, trước hết là thịnh vượng về kinh tế, không chỉ là khát vọng của bất cứ quốc gia nào. Việc hiện thực hóa mục tiêu này cần dựa trên những nền tảng vững chắc về mặt trình độ phát triển kinh tế nhất định đã đạt được và quan trọng hơn là một tầm nhìn xa rộng, một định hướng đúng đắn với sự đồng thuận và sức mạnh chung của toàn xã hội. Trong điều kiện Việt Nam hiện nay, nhiệm vụ mang tính chiến lược của thời gian tới là phải vượt qua bẫy thu nhập trung bình với

các định hướng lớn, gồm: (1) Nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hoàn tất quá trình chuyển đổi, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; (2) Đẩy mạnh hơn nữa quá trình cơ cấu lại nền kinh tế một cách thực chất để nhanh chóng định hình mô hình tăng trưởng kinh tế mới, chủ yếu dựa trên tăng năng suất lao động xã hội; (3) Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, coi đó là động lực chủ yếu của mô hình tăng trưởng kinh tế mới; (4) Phát triển mạnh mẽ lưới kết cấu hạ tầng và hệ thống đô thị, lấy sự phát triển đô thị làm động lực thúc đẩy, lôi kéo sự phát triển của mỗi vùng; (5) Phát triển con người và giá trị văn hóa Việt Nam, phát xã hội bền vững; và (6) Bảo vệ tốt môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong bối cảnh ảnh hưởng của chúng đến đời sống kinh tế và xã hội ngày phức tạp □

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương (2014), *Bẫy thu nhập trung bình - Bài học cho Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Thế giới (2016), *Việt Nam 2035 - Hướng tới Thịnh vượng, Sáng tạo, Công bằng và Dân chủ*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Tổng cục Thống kê (2018), *Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội năm 2018*.
6. Ủy ban Môi trường và Phát triển thế giới - WCED (1987), *Báo cáo Brundtland*.